

**BỘ TƯ PHÁP****BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2015

**THÔNG TƯ****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP  
ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo  
thống kê thi hành án dân sự**

*Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14/11/2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25/11/2014 (sau đây gọi chung là Luật Thi hành án dân sự);*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 17/6/2003;*

*Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 24/01/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự như sau:*

**Điều 1.**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:**

“1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, đơn đốc thi hành án hành chính (sau đây gọi chung là thi hành án dân sự); sử dụng và công bố thông tin; tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự”.

**2. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d khoản 2 Điều 2 như sau:**

“b) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo yêu cầu thi hành án;

d) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo yêu cầu thi hành án”.

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:**

“2. Thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

a) Chậm nhất trước ngày 02 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự nơi công tác;

b) Chậm nhất trước ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chi cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

c) Chậm nhất trước ngày 07 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị và của toàn tỉnh cho Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

d) Chậm nhất trước ngày 02 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên thi hành án dân sự trong quân đội phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Trưởng phòng Thi hành án nơi mình công tác;

đ) Chậm nhất trước ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp, Phòng Thi hành án cấp quân khu phải gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

e) Chậm nhất trước ngày 07 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án trong quân đội kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự) và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

g) Chậm nhất trước ngày 10 của kỳ báo cáo kế tiếp, Tổng cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp.”

#### **4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:**

“Điều 13. Công bố và phổ biến thông tin thống kê thi hành án dân sự

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thông tin về số liệu thống kê thi hành án dân sự hoặc ủy quyền cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự thực hiện.

2. Hàng tháng, số liệu thống kê thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự; số liệu thống kê thi hành án dân sự của toàn quốc được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự.”

#### **5. Bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 15 như sau:**

“7. Ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê thi hành án dân sự; xây dựng phần mềm thống kê, cơ sở dữ liệu điện tử về thống kê thi hành án dân sự.

8. Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự bố trí công chức, viên chức chuyên trách thực hiện Chế độ thống kê thi hành án dân sự”.

6. Thay thế Phụ lục 1 “Hệ thống biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự” và Phụ lục 2 “Hướng dẫn ghi chép biểu mẫu và cách tính một số chỉ tiêu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự” của Thông tư số 01/2013/TT-BTP bằng Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2.**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thúc Hiền**

## Phụ lục 1

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự)

| Số TT | Tên biểu mẫu                                                                                            | Ký hiệu biểu mẫu | Thực hiện                                       |                                                 |                                                 |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|       |                                                                                                         |                  | Chấp hành viên                                  | Chi cục Thi hành án dân sự                      | Cục Thi hành án dân sự                          |
|       | 1                                                                                                       | 2                | 3                                               | 4                                               | 5                                               |
| 1     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án                                          | 01/TK-THA        | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 2     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo yêu cầu thi hành án                                      | 02/TK-THA        | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 3     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án                                          | 03/TK-THA        | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 4     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo yêu cầu thi hành án                                      | 04/TK-THA        | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 5     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền thu cho ngân sách Nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án | 05/TK-THA        | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 6     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên               | 06/TK-THA        |                                                 | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           |
| 7     | Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên               | 07/TK-THA        |                                                 | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           | 12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)           |
| 8     | Số việc, số tiền đề nghị Tòa án xét miễn, giảm và kết quả xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự    | 08/TK-THA        |                                                 | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |

| Số TT | Tên biểu mẫu                                                                                                                                                                      | Ký hiệu biểu mẫu | Thực hiện      |                                                 |                                                 |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                   |                  | Chấp hành viên | Chi cục Thi hành án dân sự                      | Cục Thi hành án dân sự                          |
|       | 1                                                                                                                                                                                 | 2                | 3              | 4                                               | 5                                               |
| 9     | Số việc, số tiền trong các bản án, quyết định Tòa án tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã yêu cầu giải thích, kiến nghị và kết quả trả lời của Tòa án có thẩm quyền | 09/TK-THA        |                | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 10    | Số việc cưỡng chế thi hành án                                                                                                                                                     | 10/TK-THA        |                | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 11    | Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự                                                                                                                        | 11/TK-THA        |                | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 12    | Tổ cáo và giải quyết tố cáo trong thi hành án dân sự                                                                                                                              | 12/TK-THA        |                | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |
| 13    | Kết quả thực hiện chỉ tiêu biên chế và cơ cấu công chức của cơ quan Thi hành án dân sự                                                                                            | 13/TK-THA        |                |                                                 | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 14    | Trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự                                                                                                                                 | 14/TK-THA        |                |                                                 | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 15    | Số cuộc giám sát và kết quả thực hiện kết luận giám sát                                                                                                                           | 15/TK-THA        |                | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 16    | Số cuộc kiểm sát và kết quả thực hiện kết luận kiểm sát                                                                                                                           | 16/TK-THA        |                | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 17    | Số việc, số tiền trong bản án, quyết định có kháng nghị và kết quả xử lý kháng nghị của Tòa án và Viện Kiểm sát                                                                   | 17/TK-THA        |                | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 18    | Số việc, số tiền bồi thường của Nhà nước trong thi hành án dân sự                                                                                                                 | 18/TK-THA        |                | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         | Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng                         |
| 19    | Số việc đơn đốc thi hành án hành chính                                                                                                                                            | 19/TK-THA        |                | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng | Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng |